

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 110/2023/HC-ST

Ngày 26 – 7 – 2023

V/v Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hữu Dụng

Bà Lê Duyên Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 86/2023/TLST- HC ngày 27/4/2023 về việc “*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2023/QĐST-HC ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đặng Thị K; cùng trú tại: Tổ dân phố V, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc; vắng mặt;

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: Ông Lê Thanh T; địa chỉ: Thôn X, xã EH, huyện CK, tỉnh Đắc Lắc; có mặt;

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắc Lắc;

Địa chỉ: LND, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê ĐT – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B; có đơn xin vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn N – Chức vụ: Trưởng phòng Kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk; có mặt;

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Thạch Thị S; trú tại: NTĐ, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Ý kiến của đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện:

Ông Nguyễn Hữu Đ và bà Đặng Thị K đang sử dụng thửa đất số 53, tờ bản đồ 07, diện tích 3.446 m² tại phường TN (theo bản đồ Công ty TNHH MTV cà phê B quản lý là thửa đất số 28, tờ bản đồ số 7, phường TN), có nguồn gốc: Công ty TNHH MTV cà phê B ký kết Hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê số 04/HĐKT/CN với bà Thạch Thị S ngày 01/8/2000, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/8/2000 đến ngày 31/12/2020. Đến năm 2015, bà Thạch Thị S chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu Đ sử dụng được Công ty TNHH MTV cà phê B xác nhận tại Biên bản giao nhận tài sản ngày 29/12/2015. Ông Nguyễn Hữu Đ sử dụng thửa đất này từ năm 2015 cho đến nay thuộc phạm vi thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc phường TN, không tranh chấp với ai.

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc TN, thửa đất của ông Đ được UBND thành phố B thu hồi và phê duyệt phương án làm 02 lần: lần 1, thu hồi 1.946 m² tại Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 và lần 2, thu hồi 1.499,5m² tại Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022.

Qua xem xét nội dung quyết định phê duyệt này, nhận thấy UBND thành phố B phê duyệt sai tên người được bồi thường, hỗ trợ và không phê duyệt các khoản hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất là xâm hại trực tiếp đến quyền lợi của hộ gia đình ông Đ, vì vậy ông Đ, bà K làm đơn khởi kiện này đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết các vấn đề sau:

- Hủy một phần Quyết định số 8601/QĐ – UBND ngày 01/12/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc phường TN, thành phố B (đợt 1) đối với hộ ông Nguyễn Hữu Đ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 8601).

- Hủy một phần quyết định số 10635/QĐ – UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường TN, thành phố B (đợt 2 +3) đối với bà Thạch Thị S (sau đây gọi tắt là Quyết định số 10635);

- Buộc UBND thành phố phải phê duyệt bổ sung các khoản hỗ trợ cho ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đặng Thị K đối với thửa đất bị nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật

Lý do của việc khởi kiện:

1. Sai tên người được bồi thường, hỗ trợ: tại Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022, UBND TP B có ghi tên người được bồi thường, hỗ trợ là bà Thạch Thị S (người hợp đồng trước đây với công ty cà phê B) là không đúng. Bởi vì bà Thạch Thị S đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu Đ năm 2015, được Công ty cà phê B ký xác nhận tại Biên bản giao nhận tài sản và Biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 29/12/2015 (lúc này công ty đang hoạt động, chưa giải thể), do đó phải điều chỉnh lại tên cho ông Nguyễn Hữu Đ cho đúng quy định. (Riêng tại Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 thu hồi đất lần 1 thì đã đúng tên Nguyễn Hữu Đ).

2. Bổ sung chi phí đầu tư vào đất còn lại:

Từ năm 2015 sau khi Công ty TNHH MTV cà phê B giao khoán đất, gia đình ông Đ đã đầu tư công sức, tiền của trong canh tác, cải tạo đất cho đến nay. Áp dụng theo khoản 2 điều 1 quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 (nay là khoản 2 điều 3, quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022) của UBND tỉnh Đắk Lắk thì gia đình ông Đ được hỗ trợ phi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 10% giá trị tính theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định nhân với diện tích đất thu hồi.

3. Bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:

Gia đình ông Đ nhận khoán với Công ty cà phê B thuộc đối tượng tại điểm d khoản 1 điều 19 nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, bị thu hồi hết diện tích đất. Áp dụng điều 17 quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì gia đình ông Đ phải được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

4. Bổ sung hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Gia đình ông Đ là hộ nhận khoán, có 03 khẩu (2 vợ chồng tôi làm nông nghiệp và 01 con nhỏ) trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định

từ sản xuất nông nghiệp, áp dụng điểm b khoản 2 điều 83 Luật đất đai 2013; điều 20 nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 6 điều 4 nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; điều 18, quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì gia đình ông Đ phải được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Đối với các khoản tiền bồi thường theo Quyết định số 8601/QĐ – UBND ngày 01/12/2021 và Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 hiện nay ông Nguyễn Hữu Đ đã nhận hết, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk huỷ một phần hai quyết định nói trên để UBND thành phố B ban hành lại phương án mới theo đúng tên chủ sử dụng và bổ sung các khoản bồi thường, hỗ trợ còn thiếu.

2. Ý kiến của đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:

Ông Nguyễn Hữu Đ đang sử dụng thửa đất số 53, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.446 m² có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bà Thạch Thị S (bà Thạch Thị S liên kết sản xuất đất trồng cà phê với Công ty TNHH MTV cà phê B tại Hợp đồng số 04/HĐKT/CN ngày 01/8/2000). Năm 2017, UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi đất của Công ty TNHH MTV cà phê B (do Công ty giải thể) giao Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, trong đó có thửa đất do ông Nguyễn Hữu Đ đang sử dụng.

Năm 2019, UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện Dự án Hạ tầng giao thông Khu dân cư Phía Bắc tại phường TN tại Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 28/10/2019; Trên cơ sở đó, Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên và được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021, trong đó chi phí bồi thường, hỗ trợ (đối với diện tích thu hồi đợt 1 là 1.043,8 m²) cho Ông Nguyễn Hữu Đ là 64.698.402 đồng; Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022, trong đó chi phí bồi thường, hỗ trợ (đối với diện tích thu hồi đợt 2 là 1.499,5 m²) cho bà Thạch Thị S là 134.065.120 đồng, Ông Nguyễn Hữu Đ và bà Thạch Thị S đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công thực hiện dự án.

- Đối với nội dung ông Nguyễn Hữu Đ khởi kiện liên quan đến việc đề nghị điều chỉnh tên trong Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 từ bà Thạch Thị S sang cho ông: Căn cứ Khoản 6, Điều 8 Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk, UBND thành phố xác định tên trong Quyết định phê duyệt là người đứng tên trong hợp đồng là đúng quy định.

- Đối với nội dung ông Nguyễn Hữu Đ khởi kiện yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất căn cứ theo quy định tại điểm d, Khoản 1, Điều 76 Luật đất đai năm 2013: Ông Nguyễn Hữu Đ sử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng trái phép từ bà Thạch Thị S, không được Công ty TNHH MTV cà phê B ký kết hợp đồng giao khoán, hợp đồng liên kết sản xuất cà phê trên diện tích đất thu hồi nêu trên nên không đủ điều kiện được áp dụng khoản hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất theo quy định.

- Đối với nội dung ông Nguyễn Hữu Đ khởi kiện liên quan đến hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Ông Nguyễn Hữu Đ không có hợp đồng liên kết, hợp đồng nhận khoán với Công ty Cà phê B. Căn cứ khoản 5, Khoản 6, Điều 4 nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Ông Nguyễn Hữu Đ không thuộc trường hợp được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Hữu Đ do Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập, được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 và Quyết định 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 đã đảm bảo quy định của Pháp luật. Do đó các nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác đơn của ông Nguyễn Hữu Đ.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị S:

Ngày 01/8/2000, tôi (Thạch Thị S) liên kết sản xuất đất trồng cà phê với Công ty TNHH MTV cà phê B theo Hợp đồng số 04/HĐKT/CN đối với thửa đất số 53, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.446 m², thời hạn sử dụng đến ngày 31/12/2020.

Ngày 25/12/2015, tôi đã chuyển nhượng lô cà phê trên cho ông Nguyễn Hữu Đ. Giữa tôi với Công ty TNHH MTV Cà phê B đã lập biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế số 04/HĐKT/CN ngày 01/8/2000.

Ngày 29/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 10635/QĐ – UBND trong đó tôi được bồi thường số tiền 134.065.120 đồng thì tôi không được biết do đã sang nhượng lại lô cà phê cho ông Đ và ông Đ đã nhận số tiền bồi thường nói trên. Hiện nay các bên cũng không có tranh chấp gì về số tiền bồi thường.

Tôi xác định hiện nay không còn liên quan gì đến thửa đất số 53, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.446 m². Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đặng Thị K, theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 86/2023/TBTL – HC ngày

27/4/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì tôi đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Vì lý do sức khỏe không thể có mặt theo giấy báo của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk được nên tôi đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết vắng mặt bà tại tất cả các buổi làm việc cũng như tại tất cả các phiên toà sơ thẩm và phúc thẩm (nếu có).

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đồng ý với ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện đã trình bày tại bản tự khai và đề nghị HĐXX xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đặng Thị K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người khởi kiện đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ và bà Đặng Thị K về việc: Huỷ một phần Quyết định số 10635/QĐ – UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B, buộc UBND thành phố B phải hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Nguyễn Hữu Đ.

+ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ và bà Đặng Thị K về việc: Buộc UBND thành phố B phải điều chỉnh tên người được bồi thường, hỗ trợ trong Quyết định 10635/QĐ – UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B; bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất cho gia đình ông;

+ Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ và bà Đặng Thị K về việc: Huỷ một phần Quyết định số 8601/QĐ – UBND ngày 01/12/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định

cur khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Hạ tầng giao thông Khu dân cư phía Bắc, phường TN, thành phố B (đợt 1).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Hữu Đ khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk huỷ một phần Quyết định số 8601/QĐ – UBND ngày 01/12/2021 và một phần một phần quyết định số 10635/QĐ – UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B về việc về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc phường TN, thành phố B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện:

[3.1]. Đối với Quyết định số 8601/QĐ – UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B, xét thấy: Tại Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 09/02/2022 (BL 77) thể hiện: Hộ ông Nguyễn Hữu Đ nhận đủ số tiền 79.614.000 đồng bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 8601/QĐ – UBND ngày 01/12/2021 và thống nhất bàn giao diện tích 1.946m² đất tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 7 cho Trung tâm pháp triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, có căn cứ để xác định thời điểm ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đặng Thị K biết được nội dung quyết định số 8601 là trước ngày 09/02/2022. Tuy nhiên, đến ngày 17/3/2023, ông Đ, bà K mới khởi kiện, yêu cầu Toà án tuyên huỷ một phần Quyết định số 8601 là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Do đó, cần căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính để đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đặng Thị K về việc đề nghị Toà án tuyên huỷ một phần Quyết định số 8601/QĐ – UBND ngày 01/12/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc phường TN, thành phố B (đợt 1) đối với hộ ông Nguyễn Hữu Đ

[3.2]. Đối với Quyết định số 10635/QĐ – UBND, xét thấy, ngày 29/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 10635/QĐ – UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường TN, thành phố B (đợt 2 +3), ngày 17/3/2023, ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đặng Thị K có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án tuyên huỷ một phần Quyết định nói trên là là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính nên cần được xem xét, giải quyết.

[4]. Về nội dung:

[4.1]. Xét nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đặng Thị K cho rằng Quyết định số 10635/QĐ – UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B phê duyệt phương án bồi thường cho bà Thạch Thị S là sai tên người được bồi thường, hỗ trợ. Xét thấy:

Diện tích đất bị thu hồi của ông Nguyễn Hữu Đ có nguồn gốc là do bà Thạch Thị S ký kết Hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê số 04/HĐKT/CN ngày 01/8/2000 với Công ty TNHH MTV cà phê B (sau đây gọi tắt là Công ty), thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2020. Năm 2015, bà Thạch Thị S đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích nhận khoán trên cho ông Nguyễn Hữu Đ. Việc chuyển nhượng giữa bà S với ông Đ được Công ty xác nhận, thể hiện tại Biên bản thanh lý hợp đồng và Biên bản giao nhận tài sản ngày 29/12/2015. Ông Đ đã quản lý và chăm sóc vườn cây từ năm 2015 đến khi thu hồi đất. Như vậy, hộ ông Nguyễn Hữu Đ được kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của bà S đối với thửa đất mà bà S nhận liên kết nên hộ ông Đ là đối tượng được hưởng các khoản bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

Việc UBND thành phố B viện dẫn quy định tại khoản 6, Điều 8 Quyết định số 41/2021/QĐ – UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk để phê duyệt phương án bồi thường cho bà Thạch Thị S là không đúng. Bởi lẽ, khoản 6, Điều 8 Quyết định số 41/2021/QĐ – UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định về “Trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn thành thủ tục chuyển quyền theo quy định của pháp luật”. Đối với trường hợp của ông Đ, bà S chỉ thực hiện chuyển quyền quản lý và chăm sóc vườn cây, không chuyển quyền sử dụng đất (vì quyền sử dụng đất là của Công ty). Mặc khác trên cùng một diện tích đất ông Đ hợp đồng nhưng tại Quyết định số 8601/QĐ – UBND ngày 01/12/2021 về

việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc phường TN, thành phố B (đợt 1) đã bồi thường cho hộ ông Nguyễn Hữu Đ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đặng Thị K đối với yêu cầu xác định lại tên người được bồi thường tại Quyết định số 10635/QĐ – UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B.

[4.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đặng Thị K yêu cầu bồi thường bổ sung chi phí đầu tư vào đất còn lại, HĐXX nhận định như sau:

Hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê số 04/HĐKT/CN ngày 01/8/2000 giữa bà Thạch Thị S (sau đó là ông Nguyễn Hữu Đ) với Công ty TNHH MTV cà phê B đã hết hiệu lực từ ngày 31/12/2020. Tuy nhiên, đến ngày 29/12/2022 UBND thành phố B mới ban hành phương án phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất số 10635/QĐ – UBND. Như vậy, từ thời điểm hợp đồng giao khoán hết hiệu lực đến thời điểm ban hành phương án bồi thường, hỗ trợ, hộ ông Nguyễn Hữu Đ đã được hưởng hoa lợi, lợi tức trên phần diện tích đất còn lại và không phải đóng sản lượng cho công ty. Do đó, yêu cầu bồi thường bổ sung chi phí đầu tư vào đất còn lại của ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đặng Thị K là không có căn cứ để chấp nhận.

[4.3]. Về yêu cầu khởi kiện đề nghị UBND thành phố B bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, nhận thấy:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013 thì các khoản hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất bao gồm: Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Tại khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai quy định:

“Điều 4: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

...

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 như sau:

“1. Đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, gồm các trường hợp sau:

....

đ) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó;

....

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm ...”

Xét thấy, ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đặng Thị K là là đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định 47 nên đủ điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm.

[4.4]. Từ những phân tích, nhận định nói trên, xét thấy Quyết định số 10635/QĐ – UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường TN, thành phố B (đợt 2 +3) đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Thạch Thị S là sai đối tượng được bồi thường, dẫn đến việc xác định thiếu các khoản bồi thường, hỗ trợ. Do đó cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đặng Thị K: Huỷ một phần Quyết định số 10635/QĐ – UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường TN, thành phố B (đợt 2 +3) đối với bà Thạch Thị S. Buộc UBND Tp. B phải lập phương án bồi thường cho hộ ông Nguyễn Hữu Đ đối với khoản hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm;

[5]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Do được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đặng Thị K không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 76; điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai quy định

Căn cứ khoản 3 Điều 18, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đặng Thị K về việc đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên huỷ một phần Quyết định số 8601/QĐ – UBND ngày 01/12/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc phường TN, thành phố B (đợt 1) đối với hộ ông Nguyễn Hữu Đ vì đã hết thời hiệu khởi kiện.

[2]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đặng Thị K:

- Huỷ một phần Quyết định số 10635/QĐ – UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường TN, thành phố B (đợt 2 +3) đối với bà Thạch Thị S.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung nội dung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất cho hộ ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đặng Thị K đối với diện tích đất bị thu hồi (đợt 2 + 3) theo đúng quy định pháp luật.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đặng Thị K về việc buộc UBND thành phố B phải bồi thường bổ sung chi phí đầu tư vào đất còn lại:

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đặng Thị K không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm do ông Lê Thanh T nộp thay theo biên lai số AA/2022/002108 ngày 27/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

UBND thành phố B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự, vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sâm